

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 7 Điều 48; khoản 3 Điều 147; Điều 212; Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 422 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên hoà giải thành ngày 15 tháng 11 năm 2022 về việc các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án dân sự thụ lý số: 24/2022/TLST- KDTM ngày 05 tháng 8 năm 2022.

**XÉT THẤY:**

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:**

\* **Nguyên đơn:** Công ty TNHH MTV khoáng sản B; địa chỉ: thôn P, xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Mạnh Q - Chức vụ: Giám đốc.

- Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Huy C, sinh năm 1988; địa chỉ: tổ 32, khu 2, phường Đ, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

\* **Bị đơn:** Công ty cổ phần đầu tư D; địa chỉ: số 491, đường Cao Xanh, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

- Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Mạnh D; chức vụ: giám đốc; địa chỉ: số 9A, tổ 19A, khu 3, phường K, TP H, tỉnh Quảng Ninh.

**2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

**2.1.** Chấm dứt hợp đồng vận chuyển số 25.11/2020/HĐKT ngày 25/11/2020 và hợp đồng mua bán đất màu số 01.03.2021/HĐKT/D-HK ngày 01/3/2021 được ký kết giữa Công ty TNHH MTV khoáng sản B và Công ty cổ phần đầu tư D.

**2.2.** Công ty cổ phần đầu tư D phải có nghĩa vụ trả nợ cho Công ty TNHH MTV khoáng sản B tổng số tiền là 2.501.809.023đ (hai tỷ năm trăm linh một triệu, tám trăm linh chín nghìn, không trăm hai mươi ba đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

**2.3.** Công ty cổ phần đầu tư D chịu 20.509.045đ (hai mươi triệu năm trăm linh chín nghìn không trăm bốn mươi lăm đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm; Công ty TNHH MTV khoáng sản B chịu 20.509.045đ (hai mươi triệu năm trăm linh chín nghìn không trăm bốn mươi lăm đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, được trừ vào số tiền 41.400.000đ (bốn mươi một triệu bốn trăm nghìn đồng) tạm ứng đã nộp ngày 05/8/2022 theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000953 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H. Trả lại Công ty TNHH MTV khoáng sản B số tiền còn dư 20.890.955đ (hai mươi triệu tám trăm chín mươi nghìn chín trăm năm mươi lăm đồng).

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND TP H;
- Chi cục THADS TP H;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**Trần Thị Hồng**